

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục trải qua một phiên điều chỉnh mạnh trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,639.65 điểm, giảm gần 30 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 11/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Bất động sản giảm mạnh nhất, theo sau là ngành Ô tô & phụ tùng, Du lịch & giải trí,... Ở chiều ngược lại, ngành Hóa chất, Tiện ích, Y tế,... ghi nhận phiên giao dịch tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Thị trường vẫn đang nhiều rủi ro và chưa rõ xu hướng ngắn hạn khi mà biên độ dao động lớn và thanh khoản sụt giảm. Điểm tích cực là vùng 1,620 – 1,625 đang đóng vai trò hỗ trợ khá cứng của thị trường từ tháng 8 đến nay. Trong những phiên tới, VN-Index cần thu hẹp biên độ dao động để hình thành nền giá chắc chắn hơn.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 31/10/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-29.92** điểm, đóng cửa tại **1639.65** điểm. HNX-Index **-1.11** điểm, đóng cửa tại **265.85** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+1.09)**, **GVR (+0.66)**, **ACB (+0.48)**, **FPT (+0.48)**, **VNM (+0.24)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-10.96)**, **VHM (-4.33)**, **VCB (-1.89)**, **VJC (-1.11)**, **HDB (-1.08)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **24,734** tỷ đồng, tăng **9.27%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 27,683 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 30.28 điểm. Thị trường có **127** mã tăng, 54 mã tham chiếu, **190** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-459.92** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VIC (-234.32 tỷ)**, **VHM (-189.70 tỷ)**, **CTG (-124.26 tỷ)**, **MBB (-115.93 tỷ)**, **HPG (-107.67 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-58.05** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.90%**. Các mã diễn biến tích cực:
DGC (+2.56%) [\(Link báo cáo\)](#)
ACB (+1.59%) [\(Link báo cáo\)](#)
PVS (+1.55%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.73%**. Các mã diễn biến tích cực:
PVD (+6.91%) [\(Link báo cáo\)](#)
CTD (+3.50%) [\(Link báo cáo\)](#)
GAS (+3.18%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.90%	-0.73%	-1.79%	-2.07%
1 tuần	1.70%	1.51%	-2.59%	-3.05%
1 tháng	-0.60%	-1.86%	-1.53%	0.79%
3 tháng	6.66%	3.22%	9.66%	16.80%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,639.65	265.85	113.46
% 1D	-1.79%	-0.42%	0.04%
GTKL (tỷ VND)	24,734	1,825	594
%1D	9.27%	2.41%	-30.03%
GDNN (tỷ VND)	-459.92	-58.05	-42.34

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIX	107.50	VIC	-234.32
MWG	92.79	VHM	-189.70
KDH	81.16	CTG	-124.26
FPT	67.14	MBB	-115.93
GMD	61.96	HPG	-107.67

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

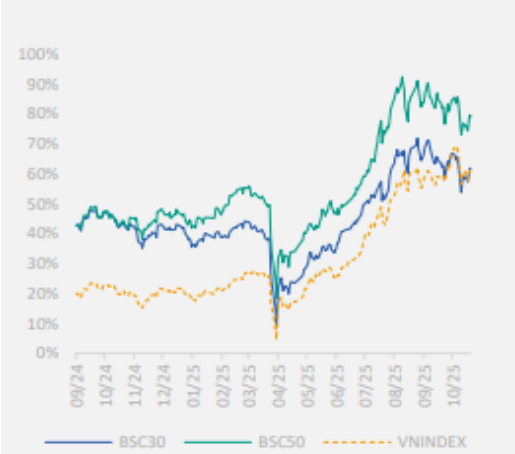
		%D	%W
SPX	6,822	-0.99%	1.25%
FTSE100	9,727	-0.34%	0.84%
Eurostoxx	5,690	-0.05%	0.42%
Shanghai	3,955	-0.81%	0.11%
Nikkei	52,411	2.12%	6.45%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	64.21	0.25%
Giá vàng	4,025	-0.50%
Tỷ giá		
USD/VND	26,347	0.01%
EUR/VND	31,214	-0.51%
JPY/VND	175	-0.57%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.0%	0.01%
LS LNH 1M	5.6%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

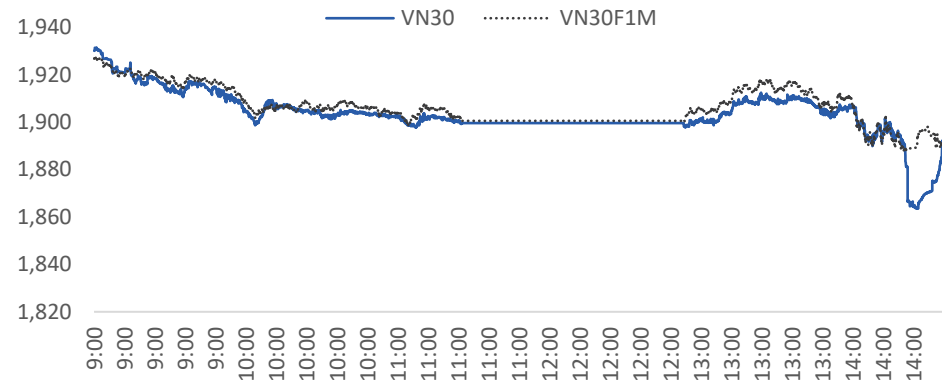
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1FB000	1892.00	-1.82%	341,853	3.1%	20/11/2025	20
41I1G6000	1888.40	-1.84%	29	11.5%	18/06/2026	230
VN30F2512	1886.00	-1.84%	714	-9.8%	18/12/2025	48
41I1G3000	1882.00	-1.98%	66	-18.52%	19/03/2026	139

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -39.82 điểm, đóng cửa tại 1885.36 điểm. Biên độ dao động 39.27 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VHM, VJC, LPB, HDB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 chìm trong sắc đỏ từ khi mở cửa. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2512, 41I1G3000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVPB2510	23/02/2026	115	2,800	7.42%	23.04	4,000	12.0%	3.21	30.83	28.70	28.70
CVPB2520	4/05/2026	185	5,500	13.39%	22.22	2,580	11.7%	1.84	32.54	28.70	28.70
CSSB2506	3/02/2026	95	100	22.57%	20.56	570	7.5%	0.11	21.70	17.70	17.70
CVNM2516	3/12/2025	33	36,700	10.07%	61.18	290	7.4%	0.06	63.40	57.60	57.60
CACB2512	24/02/2026	116	42,400	19.96%	29.00	530	6.0%	0.20	30.59	25.50	25.50
CFPT2523	25/03/2026	145	400	31.18%	117.80	740	5.7%	0.13	136.30	103.90	103.90
CLPB2507	3/03/2026	123	50,100	8.93%	37.98	3,450	5.5%	2.75	55.23	50.70	50.70
CFPT2517	23/06/2026	235	191,900	15.95%	106.99	1,550	3.3%	1.06	120.47	103.90	103.90
CMSN2517	3/12/2025	33	80,200	16.94%	86.69	640	3.2%	0.12	93.09	79.60	79.60
CMBB2514	23/12/2025	53	6,200	3.82%	18.00	2,890	3.2%	2.55	24.50	23.60	23.60
CTPB2508	25/12/2025	55	14,400	56.75%	25.40	350	2.9%	0.00	26.10	16.65	16.65
CFPT2511	12/01/2026	73	471,200	9.24%	106.95	760	2.7%	0.49	113.50	103.90	103.90
CVNM2509	23/02/2026	115	2,300	20.67%	66.48	410	2.5%	0.08	69.50	57.60	57.60
CSTB2530	25/06/2026	237	10,000	31.14%	67.80	2,490	2.5%	1.69	72.78	55.50	55.50
CFPT2508	5/02/2026	97	700	36.20%	137.99	510	2.0%	0.03	141.51	103.90	103.90
CTCB2514	24/02/2026	116	62,600	21.93%	38.97	1,310	1.6%	0.48	42.80	35.10	35.10
CLPB2509	25/06/2026	237	47,400	33.20%	56.33	1,400	1.4%	0.61	67.53	50.70	50.70
CVNM2520	23/07/2026	265	2,000	22.95%	63.19	1,140	0.9%	0.45	70.82	57.60	57.60
CSTB2513	12/01/2026	73	9,100	3.42%	39.00	4,600	0.9%	4.23	57.40	55.50	55.50
CFPT2518	23/09/2026	327	126,400	19.47%	106.99	1,970	0.5%	1.32	124.13	103.90	103.90

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ***:

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 31/10/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
 - CVPB2510 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 12.04%. CMWG2510 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.61%.
 - CVHM2521, CTPB2510, CSSB2509, CVPB2524, CTPB2508 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2507, CVIC2508, CVHM2510, CVHM2512 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GAS	61.60	3.18%	1.09	2.41
GVR	29.05	2.47%	0.66	4.00
ACB	25.50	1.59%	0.48	5.14
FPT	103.90	1.17%	0.48	1.70
VNM	57.60	0.88%	0.24	2.09

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HUT	17.50	3.55%	0.40	1.07
PVI	73.90	2.21%	0.23	0.23
BAB	13.20	2.33%	0.18	0.96
DTK	12.00	3.45%	0.17	0.68
PTI	38.00	5.56%	0.15	0.12

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
LDG	4.75	6.98%	0.02	4.69
DCL	32.95	6.98%	0.04	2.76
BTT	36.85	6.97%	0.01	0.00
ASP	4.76	6.97%	0.00	0.12
PVD	21.65	6.91%	0.19	12.83

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PMC	143.70	9.95%	0.48	0.00
QHD	37.60	9.94%	0.09	0.00
SJE	20.10	9.84%	0.28	0.61
CAG	6.80	9.68%	0.03	0.04
DAE	14.90	9.56%	0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	191.00	-6.42%	-10.96	3.88
VHM	99.20	-4.62%	-4.33	4.11
VCB	59.60	-1.65%	-1.89	8.36
VJC	187.00	-4.35%	-1.11	0.59
HDB	32.00	-4.19%	-1.08	3.51

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CEO	25.40	-6.96%	-0.60	0.57
THD	29.90	-2.29%	-0.16	0.38
NVB	14.60	-1.35%	-0.14	1.17
DHT	76.30	-3.42%	-0.13	0.08
KSF	80.70	-0.25%	-0.11	0.90

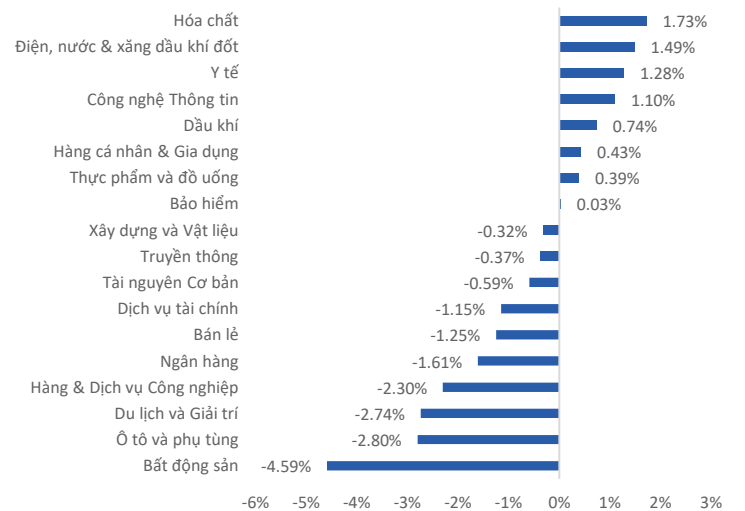
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CRV	32.55	-7.00%	-0.35	0.01
GEX	44.05	-6.97%	-0.63	36.31
SVC	29.40	-6.81%	-0.04	0.05
VIC	191.00	-6.42%	-10.81	7.50
SVD	6.13	-5.69%	0.00	0.01

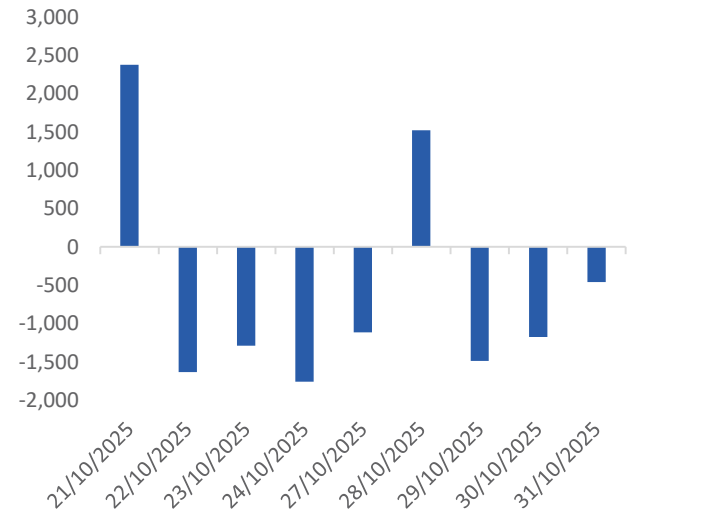
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HBS	5.50	-9.84%	-0.06	0.39
THB	8.50	-9.57%	-0.03	0.00
DDG	1.90	-9.52%	-0.05	0.76
CET	12.20	-8.96%	-0.02	0.01
POT	19.90	-7.44%	-0.10	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	82.6	-1.6%	1.3	124,043	996.2	3,955	21.2	100,800	46.3%	Link
KBC	Bất động sản	35.0	-1.4%	1.5	33,432	125.2	1,835	19.4	46,000	10.4%	Link
KDH	Bất động sản	35.9	0.0%	1.3	40,231	416.0	857	41.8	39,900	27.1%	Link
PDR	Bất động sản	22.6	-3.6%	1.9	22,928	215.3	211	110.9	28,200	9.5%	Link
VHM	Bất động sản	99.2	-4.6%	0.8	427,171	715.4	6,984	14.9	92,000	9.2%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	103.9	1.2%	0.7	174,950	1788.8	5,280	19.5	118,700	37.7%	Link
BSR	Dầu khí	16.7	0.3%	0.0	83,121	114.9	413		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	32.8	1.6%	1.5	15,438	287.2	3,040	10.6	42,800	10.4%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.3	-1.1%	1.4	25,433	314.2	1,451	16.2		35.7%	
SSI	Dịch vụ tài chính	34.3	-1.6%	1.5	72,346	1043.9	1,882	18.5		33.7%	
VCI	Dịch vụ tài chính	37.1	0.0%	1.3	26,808	388.4	1,589	23.3		20.5%	
DCM	Hóa chất	35.0	-0.9%	1.3	18,688	76.7	3,578	9.9	47,300	4.8%	Link
DGC	Hóa chất	96.0	2.6%	1.2	35,547	323.2	8,296	11.3	109,300	11.8%	Link
ACB	Ngân hàng	25.5	1.6%	0.9	128,930	420.5	3,385	7.4	28,400	30.0%	Link
BID	Ngân hàng	37.4	-1.3%	0.9	266,110	89.7	3,683	10.3	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	49.0	-0.4%	1.2	264,204	499.8	5,608	8.8	53,500	25.7%	Link
HDB	Ngân hàng	32.0	-4.2%	1.2	128,401	814.8	3,927	8.5	30,800	16.9%	Link
MBB	Ngân hàng	23.6	-1.5%	1.2	192,917	483.3	3,017	7.9	32,000	21.0%	Link
MSB	Ngân hàng	12.1	-2.4%	1.1	38,532	123.1	1,634	7.6	14,000	29.2%	Link
STB	Ngân hàng	55.5	-2.5%	1.0	107,269	395.2	6,519	8.7		17.0%	
TCB	Ngân hàng	35.1	-1.7%	1.2	252,979	457.9	3,113	11.5	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	16.7	-2.9%	1.3	47,575	152.4	2,308	7.4	-	24.4%	Link
VCB	Ngân hàng	59.6	-1.7%	0.9	506,354	144.5	4,148	14.6	75,700	21.6%	Link
VIB	Ngân hàng	18.6	-1.1%	0.9	63,825	100.5	2,225	8.4	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	28.7	-1.7%	1.3	231,671	494.3	2,603	11.2	35,650	24.0%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.7	-0.7%	1.3	206,470	561.1	1,876	14.3	34,300	18.7%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.8	0.6%	1.6	10,339	58.3	751	22.2	23,800	5.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	26.6	0.6%	1.2	10,160	81.7	4,150	6.4	31,700	3.0%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	79.6	0.4%	1.4	114,661	525.7	2,196	36.1	92,700	22.6%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	57.6	0.9%	0.6	119,336	152.2	4,101	13.9	64,500	48.9%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	39.9	-1.97%	1.4	8,991	38.5	2,413	16.8	20.3%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	148.4	0.20%	0.6	25,222	100.0	3,620	40.9	32.1%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	50.8	0.40%	1.1	37,562	37.9	3,278	15.4	27.0%		
DIG	Bất động sản	20.6	-3.06%	1.7	16,924	160.9	520	40.8	5.3%	4.4%	
DXG	Bất động sản	20.3	-4.48%	1.6	21,600	348.3	350	60.6	22.2%		Link
HDC	Bất động sản	33.7	-1.90%	1.6	6,118	78.7	3,424	10.0	5.2%	25.2%	
HDG	Bất động sản	30.8	-0.65%	1.6	11,469	56.0	540	57.4	20.3%		Link
IDC	Bất động sản	38.1	0.26%	1.5	14,421	92.3	4,849	7.8	11.1%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	39.8	-0.38%	1.5	19,359	143.0	2,202	18.1	46.1%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	56.3	0.00%	1.2	13,631	15.0	5,215	10.8	3.3%		
SZC	Bất động sản	31.2	0.65%	1.2	5,580	26.3	1,763	17.6	2.6%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	21.7	-2.04%	1.7	19,198	87.8	852	25.9	12.3%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	191.0	-6.42%	0.9	786,400	1457.1	3,487	58.5	3.8%		
VRE	Bất động sản	33.3	-3.76%	1.1	78,622	549.7	2,144	16.1	15.1%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	41.9	1.45%	1.2	8,745	56.7	1,700	24.3	38.5%		Link
PLX	Dầu khí	34.6	0.00%	0.9	43,899	170.6	1,661	20.8	15.3%		Link
PVD	Dầu khí	21.7	6.91%	1.2	11,257	275.9	1,602	12.6	3.3%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	35.0	-0.99%	1.3	12,249	101.6	1,262	28.0	25.0%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	29.1	-0.34%	1.7	19,234	76.1	1,670	17.5	5.3%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.6	3.18%	0.9	144,053	72.6	5,002	11.9	1.7%		Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.4	1.06%	1.3	33,255	146.6	636	22.3	2.6%		Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	66.0	1.38%	0.7	35,262	51.1	4,417	14.7	49.0%		Link
VJC	Du lịch và Giải trí	187.0	-4.35%	0.7	115,660	579.2	2,897	67.5	7.2%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	44.1	-6.97%	1.8	42,729	1644.0	2,313	20.5	9.5%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	68.1	-3.40%	1.2	30,068	364.7	3,821	18.5	42.9%		Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	61.4	-2.07%	1.0	10,588	381.5	5,700	11.0	7.2%		Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.6	0.86%	1.1	8,200	60.6	2,090	8.4	8.6%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	115.5	-3.19%	0.0	14,529	157.7	3,317	36.0	5.0%		
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	94.6	0.00%	1.0	32,273	118.2	6,923	13.7	48.8%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.8	1.05%	1.0	3,193	36.3	2,535	11.2	48.7%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.6	1.03%	1.5	2,497	50.2	2,883	6.7	17.9%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	24.0	0.00%	1.2	16,318	126.4	1,212	19.8	5.2%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	29.1	2.47%	1.4	113,400	203.4	1,569	18.1	0.3%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	22.2	-2.21%	1.2	42,191	225.8	1,783	12.7	4.3%		Link
LPB	Ngân hàng	50.7	-2.50%	0.4	155,339	130.4	3,469	15.0	1.1%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.3	0.00%	0.0	24,449	18.3	2,337	6.1	1.4%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.8	-4.85%	0.9	35,685	69.2	1,460	9.2	19.5%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.0	0.31%	1.4	7,139	91.5	666	24.0	4.8%		Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	29.8	-2.61%	1.3	8,147	48.8	2,829	10.8	4.4%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	32.0	-0.31%	0.5	9,759	30.0	1,715	18.7	2.9%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	45.9	0.33%	0.5	58,613	32.7	3,373	13.6	58.4%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	59.0	2.43%	1.1	12,929	135.5	6,944	8.3	19.2%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	170.0	0.59%	0.4	13,834	21.9	14,639	11.5	85.2%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	103.5	3.50%	1.3	10,143	224.1	4,565	21.9	48.9%		Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	92.0	-2.13%	1.2	10,752	79.7	5,128	18.3	5.5%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	43.8	-2.12%	1.5	4,511	25.3	3,037	14.7	5.2%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.8	-1.00%	1.4	7,437	78.6	1,077	13.9	9.8%		Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	23.8	0.85%	1.0	8,440	62.8	1,584	14.9	12.4%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	26.1	-1.14%	1.1	17,034	439.9	1,195	22.0	6.5%		
VGC	Xây dựng và Vật liệu	47.2	-0.32%	1.5	21,229	25.3	3,090	15.3	4.1%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitíc, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
2	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
3	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
5	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
8	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
13	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
14	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
15	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
27	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>